

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của người học
được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

Căn cứ Quyết định số 1901/QĐ-TTg ngày 23 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Khoa học trực thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22 tháng 10 năm 2015 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 935/QĐ-ĐHKH ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Xét đề nghị của Trường phòng Công tác HSSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ năm học 2017 - 2018 và thay thế Quyết định số 794/QĐ-ĐHKH ngày 04 tháng 11 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy.

Điều 3. Các ông (bà) Trường phòng Công tác HSSV, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên đại học hệ chính quy của nhà trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Như điều 3 (để thực hiện);
- Edocman, Website;
- Lưu: VT, CT HSSV

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
KHOA HỌC
TS. Nguyễn Văn Đăng

QUY ĐỊNH

Đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy tại Trường Đại học Khoa học – Đại học Thái Nguyên
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1.035 /QĐ-ĐHKH ngày 23 tháng 10 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học – Đại học Thái Nguyên)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy định này quy định việc đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy tại Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên (sau đây gọi chung là người học), bao gồm: Đánh giá kết quả rèn luyện và khung điểm; phân loại kết quả và quy trình đánh giá; tổ chức đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá; tổ chức thực hiện.

Điều 2. Nguyên tắc đánh giá kết quả rèn luyện của người học

1. Thực hiện nghiêm túc quy trình và các tiêu chí đánh giá được quy định tại Quy định này; đảm bảo khách quan, công khai, công bằng, chính xác.
2. Đảm bảo yếu tố bình đẳng, dân chủ, tôn trọng quyền làm chủ của con người được đánh giá.
3. Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ các bộ phận, các đơn vị có liên quan trong nhà trường tham gia công tác đánh giá kết quả rèn luyện của người học.

Điều 3. Nội dung đánh giá và thang điểm

1. Xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của từng sinh viên theo các mức điểm đạt được trên các mặt:

- a. Ý thức học tập;
- b. Ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế trong nhà trường;
- c. Ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội;
- d. Phẩm chất công dân và quan hệ với cộng đồng;
- e. Ý thức, kết quả tham gia phụ trách lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong nhà trường hoặc các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của sinh viên.

2. Điểm rèn luyện được đánh giá bằng thang điểm 100. Hiệu trưởng trường Đại học Khoa học - Đại học Thái nguyên căn cứ vào đặc điểm, điều kiện cụ thể của sinh viên trong trường hiện nay, quy định các tiêu chí và mức điểm chi tiết với các nội dung đánh giá tại Chương II của quy định này.

Chương II

CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ KHUNG ĐIỂM

Điều 4. Đánh giá về ý thức tham gia học tập

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:
 - a) Ý thức và thái độ trong học tập;
 - b) Ý thức và thái độ tham gia các câu lạc bộ học thuật, các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa, hoạt động nghiên cứu khoa học;
 - c) Ý thức và thái độ tham gia các kỳ thi, cuộc thi;
 - d) Tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập;
 - đ) Kết quả học tập.
2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm.

Điều 5. Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong cơ sở giáo dục đại học

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:
 - a) Ý thức chấp hành các văn bản chỉ đạo của ngành, của cơ quan chỉ đạo cấp trên được thực hiện trong nhà trường;
 - b) Ý thức chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định khác được áp dụng trong nhà trường.
2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm.

Điều 6. Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:
 - a) Ý thức và hiệu quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao;
 - b) Ý thức tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội;
 - c) Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.
2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm.

Điều 7. Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:
 - a) Ý thức chấp hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng;
 - b) Ý thức tham gia các hoạt động xã hội có thành tích được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng;
 - c) Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người thân, người có khó khăn, hoạn nạn.
2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm.

Điều 8. Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức trong cơ sở giáo dục đại học hoặc người học đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

a) Ý thức, tinh thần, thái độ, uy tín và hiệu quả công việc của người học được phân công nhiệm vụ quản lý lớp, các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác trong cơ sở giáo dục đại học;

b) Kỹ năng tổ chức, quản lý lớp, quản lý các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên và các tổ chức khác trong cơ sở giáo dục đại học;

c) Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, tập thể, khoa và cơ sở giáo dục đại học;

d) Người học đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 10 điểm.

Điều 9. Cộng điểm thưởng cho các sinh viên phấn đấu đạt thành tích đặc biệt và trừ điểm đối với các sinh viên bị kỷ luật.

1. Các tiêu chí để xét cộng điểm thưởng:

a) Có thành tích trong công tác đoàn thanh niên và phấn đấu vào Đảng cộng sản Việt Nam.

b) Có thành tích đặc biệt được khen thưởng các cấp.

c) Sinh viên nghèo vượt khó trong học tập.

d) Có phấn đấu vượt bậc trong học tập.

2. Trừ điểm đối với sinh viên bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên.

***Ghi chú:** Thang điểm chi tiết theo từng tiêu chí được quy định trong Phiếu đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên tại Phụ lục của Quy định này.*

Chương III

PHÂN LOẠI KẾT QUẢ VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

Điều 10. Phân loại kết quả rèn luyện

1. Kết quả rèn luyện được phân thành các loại: xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu và kém.

2. Phân loại kết quả rèn luyện

a) Từ 90 đến 100 điểm: loại xuất sắc;

b) Từ 80 đến dưới 90 điểm: loại tốt;

c) Từ 65 đến dưới 80 điểm: loại khá;

d) Từ 50 đến dưới 65 điểm: loại trung bình;

e) Từ 35 đến dưới 50 điểm: loại yếu;

g) Dưới 35 điểm: loại kém.

Điều 11. Phân loại để đánh giá

1. Trong thời gian người học bị kỷ luật ở mức khiển trách, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại khá.

2. Trong thời gian người học bị kỷ luật ở mức cảnh cáo, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình.

3. Người học bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập không được đánh giá rèn luyện trong thời gian bị đình chỉ.

4. Người học bị kỷ luật mức buộc thôi học không được đánh giá kết quả rèn luyện.

5. Người học hoàn thành chương trình học và tốt nghiệp chậm so với quy định của khóa học thì tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện trong thời gian đang hoàn thành bổ sung chương trình học và tốt nghiệp, tùy thuộc vào nguyên nhân để quy định mức đánh giá rèn luyện tại kỳ bổ sung.

6. Người học khuyết tật, tàn tật, mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc cha hoặc mẹ, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn có xác nhận của địa phương theo quy định đối với những hoạt động rèn luyện không có khả năng tham gia hoặc đáp ứng yêu cầu chung thì được ưu tiên, động viên, khuyến khích, cộng điểm khi đánh giá kết quả rèn luyện qua sự nỗ lực và tiến bộ của người học tùy thuộc vào đối tượng và hoàn cảnh cụ thể.

7. Người học nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả rèn luyện sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện khi tiếp tục trở lại học tập theo quy định.

8. Người học đồng thời học hai chương trình đào tạo sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện tại đơn vị quản lý chương trình thứ nhất và lấy ý kiến nhận xét của đơn vị quản lý chương trình thứ hai làm căn cứ, cơ sở để đánh giá thêm. Trường hợp chương trình thứ nhất đã hoàn thành thì đơn vị quản lý chương trình thứ hai sẽ tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện của người học.

9. Người học chuyển trường được sự đồng ý của Hiệu trưởng hai cơ sở giáo dục đại học thì được bảo lưu kết quả rèn luyện của cơ sở giáo dục đại học cũ khi học tại cơ sở giáo dục đại học mới và tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện ở các học kỳ tiếp theo.

Điều 12. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện

1. Người học căn cứ vào kết quả rèn luyện của bản thân, tự đánh giá theo mức điểm chi tiết do nhà trường quy định.

2. Tổ chức họp lớp có giáo viên chủ nhiệm tham gia, tiến hành xem xét và thông qua mức điểm tự đánh giá của từng người học trên cơ sở các minh chứng xác nhận kết quả và phải được quá nửa ý kiến đồng ý của tập thể đơn vị lớp và phải có biên bản kèm theo.

Giáo viên chủ nhiệm xác nhận kết quả họp lớp và chuyển kết quả lên Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của người học cấp khoa/bộ môn (sau đây gọi tắt là Hội đồng cấp khoa).

3. Hội đồng đánh giá cấp khoa họp xét, thống nhất, báo cáo Trường khoa thông qua và trình kết quả lên Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của người học cấp trường (sau đây gọi tắt là Hội đồng cấp trường).

4. Hội đồng cấp trường họp xét, thống nhất trình Hiệu trưởng xem xét và quyết định công nhận kết quả.

5. Kết quả đánh giá, phân loại rèn luyện của người học phải được công bố công khai và thông báo cho người học biết trước 20 ngày trước khi ban hành quyết định chính thức.

Chương IV

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Điều 13. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện

1. Nhà trường ban hành Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của người học và chấm dứt hoạt động khi Hội đồng ban hành Quyết định công nhận kết quả của người học chính thức.

2. Hội đồng cấp trường

a) Thẩm quyền thành lập

Hội đồng cấp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền ký Quyết định thành lập Hội đồng cấp trường.

b) Thành phần Hội đồng cấp trường bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền.

- Thường trực Hội đồng: Trưởng phòng Công tác Học sinh Sinh viên.

- Các ủy viên: Đại diện Lãnh đạo các khoa, bộ môn, phòng có liên quan, đại diện Đoàn thanh niên và Hội sinh viên cấp trường.

c) Nhiệm vụ của Hội đồng cấp trường:

- Tư vấn giúp Hiệu trưởng xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của từng học sinh, sinh viên và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Hiệu trưởng.

- Căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của các Trưởng khoa, bộ môn tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng khoa, bộ môn, đề nghị Hiệu trưởng công nhận.

3. Hội đồng cấp khoa

a) Thẩm quyền thành lập

Hội đồng cấp khoa do Trưởng khoa hoặc Phó Trưởng khoa được Trưởng khoa ủy quyền ký Quyết định thành lập Hội đồng cấp khoa.

b) Thành phần Hội đồng cấp khoa gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Trưởng khoa hoặc Phó Trưởng khoa được Trưởng khoa ủy quyền.

- Các ủy viên: Trợ lý công tác sinh viên; giáo viên chủ nhiệm; đại diện Liên chi đoàn thanh niên; Chi hội hoặc Liên chi Hội sinh viên, Ban cán sự lớp.

c) Nhiệm vụ của Hội đồng cấp khoa:

- Có nhiệm vụ giúp Trưởng khoa xem xét, đánh giá chính xác, công bằng, công khai và dân chủ kết quả rèn luyện của từng người học trong khoa.

- Căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của giáo viên chủ nhiệm của từng đơn vị lớp học, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng lớp, đề nghị Trường khoa công nhận.

Điều 14. Thời gian đánh giá

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của người học được tiến hành định kỳ theo học kỳ, năm học và toàn khóa học.

2. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt được của tất cả các tiêu chí đánh giá theo quy định tại Chương II của Quy định này.

3. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của năm học đó.

4. Điểm rèn luyện toàn khóa học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của khóa học.

Điều 15. Sử dụng kết quả

1. Kết quả đánh giá rèn luyện từng học kỳ, năm học của người học được lưu trong hồ sơ quản lý người học của trường, được sử dụng trong việc xét duyệt học bổng, xét khen thưởng - kỷ luật, xét thôi học, ngừng học, xét lưu trú ký túc xá, xét giải quyết việc làm thêm, xét miễn giảm chi phí, dịch vụ và sinh hoạt trong ký túc xá và các ưu tiên khác tùy theo quy định của nhà trường.

2. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học của người học được lưu trong hồ sơ quản lý người học của nhà trường, làm căn cứ để xét thi tốt nghiệp, làm luận văn hoặc khóa luận tốt nghiệp.

3. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học được ghi chung vào bảng điểm kết quả học tập và lưu trong hồ sơ của người học khi tốt nghiệp ra trường.

4. Người học có kết quả rèn luyện xuất sắc được cơ sở giáo dục đại học xem xét biểu dương, khen thưởng.

5. Người học bị xếp loại rèn luyện yếu, kém trong hai học kỳ liên tiếp thì phải tạm ngừng học ít nhất một học kỳ ở học kỳ tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện yếu, kém hai học kỳ liên tiếp lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học.

Điều 16. Quyền khiếu nại

Người học có quyền khiếu nại lên các phòng chức năng hoặc Hiệu trưởng nếu thấy việc đánh giá kết quả rèn luyện chưa chính xác. Khi nhận được đơn khiếu nại, Nhà trường có trách nhiệm giải quyết, trả lời theo quy định của pháp luật về khiếu nại.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Công tác phối hợp, chế độ báo cáo

1. Các đơn vị trong Nhà trường chủ động phối hợp chặt chẽ với nhau để thực hiện tốt Công tác đánh giá kết quả rèn luyện của người học.

2. Kết thúc năm học, các khoa, bộ môn và các đơn vị có liên quan tổ chức tổng kết, đánh giá việc thực hiện Quy định này, báo cáo Ban Giám hiệu (qua Phòng Công tác Học sinh Sinh viên) để tổng hợp, báo cáo Đại học Thái Nguyên và Bộ Giáo dục và Đào tạo theo yêu cầu.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Quy định này áp dụng đối với tất cả các đơn vị, cá nhân có liên quan đến đào tạo và quản lý đào tạo đối với sinh viên thuộc chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tại Trường Đại học Khoa học – Đại học Thái Nguyên.

2. Quy định này được áp dụng từ năm học 2017-2018, các quy định trước đây trái với Quy định này đều không còn hiệu lực.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, Trường các đơn vị trực thuộc Trường phản ánh kịp thời với Hiệu trưởng (qua Phòng Công tác Học sinh Sinh viên) để nghiên cứu giải quyết./.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

TS. Nguyễn Văn Đăng

Phụ lục: Mẫu phiếu đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên
(Kèm theo Quyết định số:...../QĐ-ĐHKH ngày.....tháng.....năm 2017 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
Khoa/Bộ môn:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày tháng năm 20.....

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN SINH VIÊN

Học kỳ: Năm học:

Họ và tên: Ngày sinh:

MSSV: Lớp: Khoa/bộ môn:

Nội dung đánh giá	SV đánh giá	Lớp đề nghị	Khoa/ bộ môn duyet	Ghi chú
I. Đánh giá ý thức học tập (điểm tối đa: 20 điểm)				
1. Ý thức, thái độ trong học tập				
- Đi học đầy đủ, nghiêm túc trong giờ học	0-3 điểm			
- Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt chuyên môn	0-3 điểm			
- Tích cực phát biểu xây dựng bài	0-3 điểm			
2. Điểm TBCTL học kỳ				
- Thuộc diện cảnh báo học tập hoặc buộc thôi học	0 điểm			
- Điểm TBCTL dưới 2.00 nhưng chưa thuộc diện cảnh báo học tập	1 điểm			
- Điểm TBCTL từ 2.00 đến 2.49	2 điểm			
- Điểm TBCTL từ 2.50 đến 3.19	3 điểm			
- Điểm TBCTL từ 3.20 đến 3.59	4 điểm			
- Điểm TBCTL từ 3.60 đến 4.0	5 điểm			
3. Tham gia các câu lạc bộ học thuật, các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa, hoạt động nghiên cứu khoa học	0-6 điểm			
II. Đánh giá về ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế trong Nhà trường (điểm tối đa: 25 điểm)				
1. Chấp hành quy chế sinh viên chung ở trường				
- Đóng học phí đầy đủ, đúng quy định	5 điểm			
- Ý thức đạo đức của sinh viên	0-3 điểm			
- Ý thức bảo vệ tài sản, giữ gìn trật tự, vệ sinh trường, lớp	0-2 điểm			
2. Chấp hành quy chế quản lý sinh viên ở nơi cư trú				
- Chấp hành quy định sử dụng Sổ theo dõi kết quả học tập, rèn luyện của HSSV và làm đầy đủ thủ tục khi thay đổi chỗ ở theo quy định	0-3 điểm			
- Thực hiện các quy định nơi cư trú và nộp Sổ theo dõi (có xác nhận) đúng thời hạn	0-2 điểm			
3. Ý thức chấp hành quy chế thi, kiểm tra				
- Chấp hành tốt quy chế thi, kiểm tra	10 điểm			
- Vi phạm quy chế trong kiểm tra	0-5 điểm			
- Vi phạm quy chế thi hoặc bỏ thi không lý do	0 điểm			
III. Đánh giá ý thức và kết quả việc tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hoá-văn nghệ, thể thao, phòng chống tệ nạn xã hội (điểm tối đa: 20 điểm)				

1. Tham gia học đầy đủ, nghiêm túc "Tuần sinh hoạt công dân - HSSV", sinh hoạt lớp đầy đủ (nghỉ 1 buổi trừ 5 điểm) 0-10 điểm				
2. Tham gia đầy đủ các hoạt động tập thể do lớp, Khoa/bộ môn, Trường tổ chức: hđ công ích, tình nguyện, CTXH, VHVN-TDĐT 0-6 điểm				
3. Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và tệ nạn XH 0-4 điểm				
IV. Đánh giá phẩm chất công dân và quan hệ cộng đồng (điểm tối đa: 25 điểm)				
1. Ý thức chấp hành và tham gia tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước 0-10 điểm				
2. Phẩm chất đạo đức; lối sống; quan hệ với cộng đồng; tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người thân, người có hoàn cảnh khó khăn, hoạn nạn 0-10 điểm				
3. Tham gia các hoạt động xã hội có thành tích được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng (tính cấp cao nhất): - Cấp Khoa: 1 điểm - Cấp trường: 3 điểm - Cấp Đại học Thái Nguyên trở lên: 5 điểm				
V. Đánh giá về ý thức và kết quả tham gia phụ trách lớp SV, các đoàn thể, tổ chức khác trong trường (điểm tối đa: 10 điểm)				
1. Tham gia cán bộ (lớp SV, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, các CLB) - Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao 8-10 điểm - Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao 5-7 điểm - Hoàn thành nhiệm vụ được giao 2-4 điểm				
2. Tham gia cán sự lớp học phần - Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao 5-6 điểm - Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao 3-4 điểm - Hoàn thành nhiệm vụ được giao 1-2 điểm				
VI. Thưởng (phạt) vào tổng số điểm rèn luyện				
1. Cộng điểm thưởng đối với sinh viên phấn đấu và có thành tích đặc biệt a) Công tác đoàn thanh niên và phấn đấu trở thành đảng viên: - Đạt danh hiệu đoàn viên xuất sắc 3 điểm - Được cử đi học lớp cảm tình Đảng trong học kì 2 điểm - Được kết nạp Đảng trong học kì 7 điểm b) Có thành tích đặc biệt trong học tập và nghiên cứu khoa học được khen thưởng trong học kì (tính cấp cao nhất) - Khen thưởng cấp Khoa/Bộ môn 2 điểm - Khen thưởng cấp Trường 5 điểm - Khen thưởng cấp Đại học 7 điểm - Khen thưởng từ cấp Bộ trở lên 10 điểm c) Thuộc đối tượng được hưởng chế độ chính sách và có điểm TBC học kì đạt từ 3.0 trở lên 1-5 điểm d) Có xếp loại học tập tiến bộ hơn so với học kì trước 1-3 điểm				
2. Trừ điểm đối với sinh viên bị kỉ luật - Bị kỉ luật ở mức khiển trách trừ 10 điểm - Bị kỉ luật ở mức cảnh cáo trừ 20 điểm - Bị kỉ luật ở mức đình chỉ có thời hạn trừ 30 điểm				
Tổng điểm rèn luyện (tối đa không quá 100 điểm)				



Điểm kết luận của Hội đồng đánh giá cấp khoa/bộ môn điểm, xếp loại:

Chữ ký của sinh viên
(ký, ghi rõ họ tên)

Ban cán sự lớp
(ký, ghi rõ họ tên)

Giáo viên chủ nhiệm
(ký, ghi rõ họ tên)